

Số: 921/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp các môn văn hóa cho học sinh
Khóa 16 TC (9+3), 16 TCN (9+3), 18 T2 (1N3T) và các khóa cũ thi lại
Năm học 2018 - 2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-LTT-TC ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường”;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BGD&ĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1268/QĐ-LTT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế đào tạo trong dạy nghề hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1004/QĐ-LTT-ĐT ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp các môn văn hóa cho học sinh khóa 16 TC (9+3), 16 TCN (9+3), 18 T2 (1N3T) và các khóa cũ thi lại Năm học 2018 -2019;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-LTT-ĐT ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về thay thế thành viên Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp các môn văn hóa cho học sinh khóa 16 TC (9+3), 16 TCN (9+3), 18 T2 (1N3T) và các khóa cũ thi lại Năm học 2018 -2019;

Căn cứ Quyết định số 564/QĐ-LTT-ĐT ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về thay thế thành viên Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp các môn văn hóa cho học sinh khóa 16 TC (9+3), 16 TCN (9+3), 18 T2 (1N3T) và các khóa cũ thi lại Năm học 2018 -2019;

Theo đề nghị của Trường phòng Tuyển sinh - Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp các môn văn hóa cho 265 học sinh của khóa 16 TC (9+3), 16 TCN (9+3), 18 T2 (1N3T) và các khóa cũ thi lại trong năm học 2018 - 2019, cụ thể như sau:

1. Kỳ thi tháng 11/2018: 151 học sinh
2. Kỳ thi tháng 3/2019: 61 học sinh
3. Kỳ thi tháng 7/2019: 53 học sinh *(có danh sách kèm theo)*

Điều 2. Các học sinh có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, TS-ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đinh Văn Đệ



TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH HỌC SINH
TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP KHÓA 2016, TRUNG CẤP NGHỀ KHÓA 2016
ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
KỶ THI THÁNG 11/2018

(Kèm theo Quyết định số: 921 /QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 8 năm 2019
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSHS	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM THI			TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
						TOÁN	LÝ	HÓA	
1	16000494	Huỳnh Mai Kim	Ngọc	14/11/2001	16TC-MTT	7,5	9,0	8,5	ĐẠT
2	16000281	Lê Tâm	Như	13/12/2001	16TC-MTT	7,5	8,5	7,0	ĐẠT
3	16001821	Nguyễn Trần Hoàng	Oanh	04/5/1998	16TC-MTT	9,0	9,5	7,5	ĐẠT
4	16000112	Vũ Thị Thanh	Thảo	11/9/2000	16TC-MTT	5,0	9,5	7,5	ĐẠT
5	16000519	Trần Huỳnh Minh	Thư	03/5/2001	16TC-MTT	5,0	10,0	7,5	ĐẠT
6	16003845	Vương Minh	Thư	02/8/2000	16TC-MTT	8,0	7,5	8,5	ĐẠT
7	16000655	Nguyễn Thị Minh	Thuận	05/6/2001	16TC-MTT	9,5	10,0	8,5	ĐẠT
8	16000326	Nguyễn Quỳnh Nghinh	Thy	12/02/2001	16TC-MTT	5,5	9,5	7,5	ĐẠT
9	16001307	Vũ Ngọc	Trình	13/02/2001	16TC-MTT	6,5	9,5	9,0	ĐẠT
10	16000515	Lê Thị Bé	Vân	18/07/2001	16TC-MTT	6,0	7,5	8,5	ĐẠT
11	16000433	Lê Tường	Vy	10/8/2001	16TC-MTT	7,5	7,5	8,5	ĐẠT
12	16003427	Vũ Tuấn	Anh	15/07/2000	16TC-Ô1	8,0	6,5	8,5	ĐẠT
13	16000532	Lê Công	Hậu	18/09/2001	16TC-Ô1	7,5	8,0	7,0	ĐẠT
14	16000200	Nguyễn Thanh Hoàng	Khải	19/06/2001	16TC-Ô1	9,0	9,5	7,5	ĐẠT
15	16000058	Phan Hoài	Linh	30/10/1997	16TC-Ô1	9,5	9,5	9,5	ĐẠT
16	16000310	Nguyễn Ngọc	Minh	02/6/2001	16TC-Ô1	7,5	9,0	9,0	ĐẠT
17	16000252	Vũ	Minh	30/05/2001	16TC-Ô1	5,0	9,5	9,5	ĐẠT
18	16000566	Đào Sơn	Nam	14/10/1999	16TC-Ô1	7,5	10,0	9,0	ĐẠT
19	16000202	Lê Duy	Phát	01/10/2001	16TC-Ô1	5,0	8,5	7,0	ĐẠT
20	16000024	Dương Tấn Vũ	Phương	21/07/2000	16TC-Ô1	5,5	9,0	8,0	ĐẠT
21	16000241	Hoàng Anh	Trường	01/4/2001	16TC-Ô1	5,0	8,0	8,5	ĐẠT
22	16001745	Lê Ngọc	Tuấn	26/11/1994	16TC-Ô1	5,0	8,5	8,5	ĐẠT
23	16000019	Huỳnh Hữu	Hiếu	12/7/2001	16TC-QTM	5,5	5,5	8,0	ĐẠT
24	16003894	Nguyễn Văn	Hùng	06/11/1997	16TC-QTM	5,5	7,0	9,0	ĐẠT
25	16000317	Khương Thiên	Long	31/03/2000	16TC-QTM	9,0	10,0	7,0	ĐẠT
26	16003086	Thái Hoài	Nam	25/06/1999	16TC-QTM	5,0	5,5	8,0	ĐẠT

STT	MSHS	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM THI			TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
						TOÁN	LÝ	HÓA	
27	16000412	Võ Trung	Ngọc	10/01/2001	16TC-QTM	5,5	7,0	7,0	ĐẠT
28	16000195	Lý Trần	Phước	26/11/2001	16TC-QTM	6,5	6,0	7,5	ĐẠT
29	16000500	Nguyễn Văn	Sỹ	02/09/2001	16TC-QTM	5,0	6,5	8,5	ĐẠT
30	16000337	Trần Trọng	Thoại	19/01/2001	16TC-QTM	6,5	8,5	9,0	ĐẠT
31	16000050	Đỗ Minh	Triết	19/09/2001	16TC-QTM	7,5	6,0	6,0	ĐẠT
32	16000306	Nguyễn Đình Quốc	Ân	10/12/2001	16TCN-CKL	5,0	9,5	8,0	ĐẠT
33	16000097	Nguyễn Quốc	Anh	17/07/2001	16TCN-CKL	5,0	7,5	6,0	ĐẠT
34	16000181	Lê Văn	Chung	24/03/2001	16TCN-CKL	5,0	7,0	7,5	ĐẠT
35	16002687	Bùi Tiến	Đạt	03/8/2000	16TCN-CKL	9,0	7,5	7,0	ĐẠT
36	16000141	Nguyễn Thành	Đạt	20/02/1998	16TCN-CKL	5,0	7,0	9,0	ĐẠT
37	16000578	Phan Thế	Hòa	21/10/2000	16TCN-CKL	5,0	7,0	8,5	ĐẠT
38	16000229	Phan Lâm	Huy	20/01/2001	16TCN-CKL	5,5	7,5	7,5	ĐẠT
39	16000591	Trần Đăng	Khoa	02/8/1999	16TCN-CKL	8,5	7,0	7,5	ĐẠT
40	16000353	Huỳnh Hà	Lâm	20/07/2001	16TCN-CKL	5,5	7,5	8,0	ĐẠT
41	16002169	Nguyễn Xuân Tài	Lộc	12/12/1998	16TCN-CKL	5,0	6,5	7,5	ĐẠT
42	16000471	Dương Vĩ	Nghiệp	14/12/2001	16TCN-CKL	5,5	8,5	9,5	ĐẠT
43	16000398	Châu Kim	Phước	06/9/1998	16TCN-CKL	9,0	10,0	9,5	ĐẠT
44	16000078	Phạm Minh	Sĩ	16/12/2000	16TCN-CKL	5,0	9,5	8,5	ĐẠT
45	16002587	Nguyễn Tân	Tiến	04/01/2001	16TCN-CKL	6,5	9,0	8,5	ĐẠT
46	16000472	Vũ Hoàng	Tiến	05/01/2001	16TCN-CKL	5,0	8,0	9,5	ĐẠT
47	16000965	Nguyễn Đức	Trình	01/10/2000	16TCN-CKL	5,0	5,0	7,5	ĐẠT
48	16001852	Nguyễn Văn Quốc	Việt	03/6/2000	16TCN-CKL	5,0	7,0	6,0	ĐẠT
49	16000423	Huỳnh Quốc	Ân	21/08/2001	16TCN-Đ	7,5	9,5	9,5	ĐẠT
50	16000555	Huỳnh Trí	Đại	23/09/2001	16TCN-Đ	5,0	8,0	7,5	ĐẠT
51	16000098	Võ Minh	Đạt	26/03/2001	16TCN-Đ	8,0	8,0	5,0	ĐẠT
52	16000454	Nguyễn Mạnh	Đức	22/10/2001	16TCN-Đ	6,0	9,5	9,0	ĐẠT
53	16002893	Nguyễn Văn	Hoài	15/03/1998	16TCN-Đ	5,5	7,0	9,5	ĐẠT
54	16000535	Nguyễn Hoàng Huy	Long	03/4/2000	16TCN-Đ	5,0	6,0	7,0	ĐẠT
55	16000002	Thân Tấn	Phát	29/12/2001	16TCN-Đ	8,5	7,5	6,0	ĐẠT
56	16000595	Nguyễn Hoàng	Phúc	10/5/2001	16TCN-Đ	8,5	9,5	7,5	ĐẠT
57	16000656	Hồ Lê Kim	Tân	23/05/2001	16TCN-Đ	9,5	9,5	8,5	ĐẠT
58	16000084	Bùi Trần Minh	Trị	15/01/2001	16TCN-Đ	6,0	9,5	7,0	ĐẠT
59	16003607	Đổng Minh	Tuấn	26/02/1992	16TCN-Đ	5,0	8,5	7,0	ĐẠT
60	16000007	Mai Minh	Hiếu	15/10/2001	16TCN-ĐT	6,0	9,5	9,5	ĐẠT

STT	MSHS	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM THI			TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
						TOÁN	LÝ	HÓA	
61	16000213	Nguyễn Hòa	Hợp	02/5/1998	16TCN-ĐT	5,0	8,5	5,0	ĐẠT
62	16000067	Lê Minh	Thông	12/9/2001	16TCN-ĐT	5,0	10,0	9,0	ĐẠT
63	16000194	Vũ Hồng Nhật	Hạ	05/6/2001	16TCN-KTD	9,5	10,0	8,0	ĐẠT
64	16000266	Võ Thúy	Kiều	01/10/2001	16TCN-KTD	8,5	10,0	6,5	ĐẠT
65	16000397	Hồ Trần Ngọc	Mi	03/12/2001	16TCN-KTD	8,5	10,0	6,5	ĐẠT
66	16000368	Trần Thúy	Ngân	16/08/2001	16TCN-KTD	9,0	10,0	5,5	ĐẠT
67	16000154	Đỗ Ngọc Quỳnh	Như	26/05/2001	16TCN-KTD	10,0	10,0	5,5	ĐẠT
68	16000340	Phạm Huỳnh Xuân	Thư	15/01/2001	16TCN-KTD	6,5	8,5	5,0	ĐẠT
69	16003779	Nguyễn Thanh Mỹ	Tiên	26/03/2000	16TCN-KTD	10,0	10,0	8,5	ĐẠT
70	16000401	Bùi Thị	Trâm	08/01/2001	16TCN-KTD	9,5	9,5	9,5	ĐẠT
71	16003347	Nguyễn Thị	Trang	11/02/2000	16TCN-KTD	8,5	9,5	5,5	ĐẠT
72	16003315	Đỗ Khánh	Vy	05/4/2001	16TCN-KTD	5,0	7,5	6,5	ĐẠT
73	16000153	Vũ Ngọc Thụy	Vy	30/06/2001	16TCN-KTD	8,5	10,0	8,0	ĐẠT
74	16000386	Huỳnh Thị Ngân	Xuyên	16/11/2001	16TCN-KTD	8,0	10,0	6,0	ĐẠT
75	16000257	Lê Hoàng Hải	Anh	13/12/1999	16TCN-LĐL1	5,0	7,0	5,0	ĐẠT
76	16000297	Vũ Hoàng Hải	Anh	05/10/2001	16TCN-LĐL1	7,0	10,0	6,5	ĐẠT
77	16000143	Nguyễn Hoàng Gia	Huy	19/01/2001	16TCN-LĐL1	7,0	10,0	8,0	ĐẠT
78	16000164	Nguyễn Quang	Lợi	26/12/2001	16TCN-LĐL1	5,5	8,5	5,5	ĐẠT
79	16000679	Hoàng Đình	Long	07/7/2001	16TCN-LĐL1	5,0	9,0	7,0	ĐẠT
80	16003871	Nguyễn Hoàng	Long	18/03/2000	16TCN-LĐL1	9,0	9,5	6,0	ĐẠT
81	16000156	Trần Minh	Mẫn	07/02/1997	16TCN-LĐL1	5,0	9,0	5,5	ĐẠT
82	16003520	Nguyễn Gia Quốc	Mạnh	10/01/2000	16TCN-LĐL1	6,5	9,5	9,0	ĐẠT
83	16000106	Nguyễn Xuân	Phú	22/03/2001	16TCN-LĐL1	8,0	10,0	8,5	ĐẠT
84	16000124	Nguyễn Hoàng	Tâm	11/3/2001	16TCN-LĐL1	7,0	7,5	7,0	ĐẠT
85	16001192	Nguyễn Lê Hùng	Thuận	21/01/2001	16TCN-LĐL1	5,0	8,0	7,5	ĐẠT
86	16000017	Đỗ Minh	Trung	19/08/2001	16TCN-LĐL1	6,0	6,5	7,0	ĐẠT
87	16000365	Nguyễn Quang	Trung	24/11/2001	16TCN-LĐL1	5,0	6,5	7,0	ĐẠT
88	16003895	Đinh Mạnh	Tuấn	17/03/2001	16TCN-LĐL1	5,0	7,0	6,0	ĐẠT
89	16000630	Nguyễn Lê Phương	Vũ	20/06/2000	16TCN-LĐL1	6,5	7,0	8,5	ĐẠT
90	16000269	Nguyễn Xuân	Đạt	27/12/2001	16TCN-Ô1	5,0	8,0	7,5	ĐẠT
91	16001678	Nguyễn Trung	Hậu	20/07/2000	16TCN-Ô1	8,0	9,5	6,0	ĐẠT
92	16000208	Phạm Tiến Trung	Kiên	23/12/2001	16TCN-Ô1	5,5	5,0	6,0	ĐẠT
93	16003849	Lại Thế	Quyền	18/07/1994	16TCN-Ô1	8,0	10,0	8,5	ĐẠT
94	16000857	Huỳnh Phú	Sĩ	21/10/1996	16TCN-Ô1	5,0	7,0	6,5	ĐẠT

STT	MSHS	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM THI			TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
						TOÁN	LÝ	HÓA	
95	16000505	Lại Công	Tài	27/08/2001	16TCN-Ô1	9,0	8,5	6,0	ĐẠT
96	16000562	Nguyễn Tấn	Tài	20/05/2000	16TCN-Ô1	7,0	9,5	7,5	ĐẠT
97	16001815	Đinh Quý	Thanh	07/5/2001	16TCN-Ô1	6,5	7,5	6,0	ĐẠT
98	16000176	Lê Nguyễn Trường	Thịnh	14/06/2001	16TCN-Ô1	9,5	9,5	8,5	ĐẠT
99	16000657	Võ Chí Lâm	Trường	13/04/1999	16TCN-Ô1	5,5	6,0	6,5	ĐẠT
100	16000828	Phạm Anh	Tỷ	27/09/2001	16TCN-Ô1	5,0	7,5	7,0	ĐẠT
101	16000319	Đoàn Lê Ngọc	Ánh	15/12/2001	16TCN-QTD	5,0	7,5	7,5	ĐẠT
102	16000790	Lê Minh	Cánh	19/06/1998	16TCN-QTD	6,5	7,5	6,0	ĐẠT
103	16003746	Trần Thị Mai	Hương	26/02/2001	16TCN-QTD	5,5	10,0	7,0	ĐẠT
104	16003114	Bùi Huỳnh Nguyên	Khải	04/6/1998	16TCN-QTD	6,0	7,0	8,0	ĐẠT
105	16000283	Nguyễn Trần Quang	Nhật	15/11/2000	16TCN-QTD	5,5	6,5	8,0	ĐẠT
106	16001046	Châu Phú	Phát	17/05/2000	16TCN-QTD	7,0	7,0	7,5	ĐẠT
107	16000272	Nguyễn Diệu	Thảo	20/06/2001	16TCN-QTD	5,0	7,5	9,0	ĐẠT
108	16001756	Hồ Hoàng Đăng	Thi	26/06/2001	16TCN-QTD	9,5	10,0	8,5	ĐẠT
109	16000044	Tổng Thị Thanh	Thủy	15/01/2001	16TCN-QTD	8,0	8,5	8,0	ĐẠT
110	16000369	Phạm Ngọc Bích	Trâm	10/7/2001	16TCN-QTD	7,5	8,0	7,5	ĐẠT
111	16003812	Nguyễn Văn Hoài	An	21/07/2001	16TCN-QTM1	6,0	6,5	7,5	ĐẠT
112	16000160	Trần Chí	Bảo	10/12/2001	16TCN-QTM1	6,0	7,0	6,5	ĐẠT
113	16000026	Dương Gia	Chiêu	12/4/2001	16TCN-QTM1	7,0	9,5	7,5	ĐẠT
114	16000647	Nguyễn Hoàng Quốc	Đạt	04/01/2001	16TCN-QTM1	6,0	9,0	6,5	ĐẠT
115	16000634	Trần Thị Ánh	Giàu	01/9/2001	16TCN-QTM1	5,0	7,5	5,5	ĐẠT
116	16000183	Nguyễn Hoàng	Hùng	23/08/2001	16TCN-QTM1	7,0	8,5	7,0	ĐẠT
117	16000506	Trần Quốc	Hung	29/10/2001	16TCN-QTM1	8,5	8,5	5,0	ĐẠT
118	16000295	Nguyễn Lê Anh	Khoa	15/10/2001	16TCN-QTM1	6,5	8,0	7,5	ĐẠT
119	16000496	Nguyễn Hoàng	Mạnh	22/07/2000	16TCN-QTM1	7,0	7,5	9,0	ĐẠT
120	16000331	Lê Quang	Minh	23/07/2000	16TCN-QTM1	5,0	6,0	5,0	ĐẠT
121	16000329	Lê Bắc	Nam	13/03/2001	16TCN-QTM1	6,0	6,5	6,0	ĐẠT
122	16002342	Lê Trọng	Nghĩa	18/10/2001	16TCN-QTM1	5,0	6,5	6,0	ĐẠT
123	16000268	Nguyễn Lê Trọng	Nghĩa	28/02/2001	16TCN-QTM1	5,0	6,5	7,0	ĐẠT
124	16000951	Đồng Xuân	Oánh	04/12/2001	16TCN-QTM1	5,0	7,0	8,5	ĐẠT
125	16000447	Nguyễn Lê Ái	Phúc	28/08/2001	16TCN-QTM1	5,0	7,5	6,5	ĐẠT
126	16000054	Nguyễn Thanh	Sơn	05/10/2001	16TCN-QTM1	7,0	9,0	6,5	ĐẠT
127	16000581	Nguyễn Cao Đức	Tài	03/5/2000	16TCN-QTM1	6,0	9,0	8,0	ĐẠT
128	16000240	Vũ Tấn	Tài	24/06/1997	16TCN-QTM1	6,5	10,0	9,5	ĐẠT

STT	MSHS	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM THI			TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
						TOÁN	LÝ	HÓA	
129	16000158	Nguyễn Tiến	Thiên	27/04/2001	16TCN-QTM1	7,5	10,0	9,0	ĐẠT
130	16000057	Lại Minh	Trí	18/09/2001	16TCN-QTM1	9,5	10,0	9,0	ĐẠT
131	16001823	Lã Minh	Trường	08/4/2000	16TCN-QTM1	5,0	7,5	5,0	ĐẠT
132	17003657	Nguyễn Văn	Ân	19/5/1998	17T2-ĐCN1	6,0	5,5	5,0	ĐẠT
133	17000937	Nguyễn Ngọc	Quý	04/02/1998	17T2-ĐCN1	7,5	5,5	7,0	ĐẠT
134	17001481	Lê Anh	Tuấn	02/11/1999	17T2-ĐCN1	6,0	5,0	5,0	ĐẠT
135	17004755	Lê Anh	Tuấn	08/11/1998	17T2-ĐCN1	7,5	6,0	7,0	ĐẠT
136	17000696	Nguyễn Trọng	Tuấn	22/8/1995	17T2-ĐCN1	7,5	5,5	6,0	ĐẠT
137	17003825	Trần Thanh	Tâm	17/9/1999	17T2-ĐCN1	6,0	5,0	5,0	ĐẠT
138	17003798	Nguyễn Phương	Nghĩa	01/01/1999	17T2-ĐCN1	5,5	6,0	5,0	ĐẠT
139	17001995	Lê Phương Bảo	Ngọc	29/9/1999	17T2-QTM1	5,0	5,0	5,0	ĐẠT
140	17002511	Võ Phương	Uyên	17/7/1999	17T2-QTM1	6,0	5,5	7,5	ĐẠT
141	15003401	Hồ Minh	Đức	25/02/2000	15TC-Đ	5,5	5,5	5,5	ĐẠT
142	15001775	Nguyễn Tiến Quốc	Tuấn	22/5/2000	15TC-QTM	6,5	5,5	7,0	ĐẠT
143	15002538	Vũ Vòng Nhật	Minh	22/10/2000	15TCN-ĐT	5,0	6,0	6,0	ĐẠT
144	15003032	Nguyễn Bá	Lập	02/01/1998	15TCN-ĐT	5,0	6,5	8,0	ĐẠT
145	15000220	Lê Tuấn	Kiệt	09/01/2000	15TCN-ĐT	7,0	6,5	7,5	ĐẠT
146	15000108	Trương Minh	Hiếu	20/12/2000	15TCN-ĐT	6,0	7,0	6,0	ĐẠT
147	15000212	Nguyễn Hoàng	Duy	13/8/2000	15TCN-ĐT	6,5	6,5	8,5	ĐẠT
148	15000357	Nguyễn Đức	Huỳnh	09/6/2000	15TCN-Ô1	5,0	6,0	5,5	ĐẠT
149	15000201	Huỳnh Đức	Tuấn	09/12/2000	15TCN-Ô1	5,0	6,5	6,0	ĐẠT
150	15000950	Nguyễn Thị Hương	Nhã	04/01/2000	15TCN-MTT	5,0	5,5	6,0	ĐẠT
151	16002255	Lê Huỳnh Bá	Lộc	13/08/1998	16TCT-QTM	5,5	9,0	7,5	ĐẠT

Tổng cộng danh sách có 151 học sinh *shu*



DANH SÁCH HỌC SINH
TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP, TRUNG CẤP NGHỀ
ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
KỲ THI THÁNG 3/2019

(Kèm theo Quyết định số: 921 /QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 8 năm 2019
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSHS	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM THI			TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
						TOÁN	LÝ	HÓA	
1	15000163	Huỳnh Văn	Kháng	14/09/2000	15TCN-CKL	7,0	7,0	6,0	ĐẠT
2	15000832	Phạm Trương Thiên	Phước	07/12/2000	15TCN-CKL	6,5	6,0	6,5	ĐẠT
3	15000514	Trần Võ Đông	Phương	12/09/2000	15TCN-CKL	6,0	5,5	8,0	ĐẠT
4	15000059	Nguyễn Quốc Văn	Sơn	17/03/2000	15TCN-Đ	5,0	8,0	6,0	ĐẠT
5	15000081	Dương Hiền	Vinh	21/09/2000	15TCN-ĐT	5,0	5,5	8,5	ĐẠT
6	15000096	Nguyễn Ngọc	Khánh	22/5/2000	15TCN-KTD	7,0	6,5	5,0	ĐẠT
7	15000311	Bành Thanh	Tân	24/3/1997	15TC-NL	7,5	7,5	8,0	ĐẠT
8	15000278	Bùi Duy	Đại	04/8/2000	15TCN-Ô1	9,0	5,0	7,0	ĐẠT
9	15000162	Lâm Vĩnh	Thành	08/02/1999	15TCN-Ô1	6,0	6,5	5,0	ĐẠT
10	15000072	Trần Quang	Long	13/12/2000	15TCN-QTM1	6,0	6,5	6,5	ĐẠT
11	15000064	Nguyễn Thiên	Phúc	07/9/1999	15TCN-QTM1	6,5	6,5	8,0	ĐẠT
12	15001875	Lê Nguyễn Nhật	Trường	22/10/2000	15TCN-QTM1	6,5	7,0	7,5	ĐẠT
13	15001127	Lê Minh	Phú	28/07/1997	15TC-Ô	6,0	6,0	7,0	ĐẠT
14	15001324	Nguyễn Xuân	Dũng	11/11/2000	15TC-QTM	5,5	6,5	8,0	ĐẠT
15	16000129	Lê Ngọc	Hào	23/06/2000	16TC-MTT	7,0	9,0	8,5	ĐẠT
16	16001548	Võ Quang	Huy	03/07/2001	16TC-MTT	6,5	5,0	8,0	ĐẠT
17	16000120	Hứa Lê Kim	Ngân	21/10/2001	16TC-MTT	7,0	9,5	8,0	ĐẠT
18	16000223	Nguyễn Vũ Trúc	Quân	17/02/2000	16TC-MTT	6,5	7,5	6,5	ĐẠT
19	16000091	Huỳnh Minh	Chiến	21/12/2001	16TCN-CKL	7,0	9,5	8,5	ĐẠT
20	16000089	Trần Việt	Hoàng	24/05/2001	16TCN-CKL	6,5	5,0	6,0	ĐẠT
21	16000377	Nguyễn Văn	Lai	28/10/2001	16TCN-CKL	9,0	6,5	8,0	ĐẠT
22	16000455	Phạm Tuấn	Anh	23/01/2001	16TCN-Đ	8,0	8,0	7,0	ĐẠT

STT	MSHS	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM THI			TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
						TOÁN	LÝ	HÓA	
23	16003887	Hoàng Phước Ngọc	Duy	22/10/2000	16TCN-Đ	7,5	9,0	7,5	ĐẠT
24	16000991	Thiều Lê	Huy	01/03/2000	16TCN-Đ	7,5	9,0	9,5	ĐẠT
25	16003786	Vũ Đăng	Khoa	26/08/1999	16TCN-Đ	5,0	8,0	5,0	ĐẠT
26	16001070	Trần Ngọc	Hiển	21/11/2001	16TCN-ĐT	9,5	9,0	9,5	ĐẠT
27	16000345	Hoàng Anh	Kỳ	10/12/2001	16TCN-ĐT	8,0	9,0	8,0	ĐẠT
28	16000370	Cao Ngọc	Long	31/03/2001	16TCN-ĐT	7,0	7,5	6,5	ĐẠT
29	16000339	Nguyễn Thành	Nhân	26/06/2001	16TCN-ĐT	5,5	7,5	6,5	ĐẠT
30	16000061	Võ Xuân	Thái	26/12/2001	16TCN-ĐT	8,5	8,5	8,0	ĐẠT
31	16000430	Phạm Quốc	Thắng	26/11/2001	16TCN-ĐT	9,0	8,5	6,5	ĐẠT
32	16000145	Bùi Quốc	Tuấn	15/02/2000	16TCN-ĐT	6,0	6,5	7,5	ĐẠT
33	16000615	Huỳnh Anh	Tuấn	25/05/2001	16TCN-ĐT	6,0	7,0	6,5	ĐẠT
34	16001599	Lê Minh	Thư	09/09/2001	16TCN-KTD	8,0	10,0	7,0	ĐẠT
35	16000544	Nguyễn Thiên	Bảo	15/04/2001	16TCN-Ô1	5,0	7,5	7,0	ĐẠT
36	16001803	Nguyễn Kế	Kha	19/06/2001	16TCN-Ô1	5,5	5,0	8,0	ĐẠT
37	16003691	Trần Quang	Linh	12/10/2001	16TCN-Ô1	7,0	5,5	6,5	ĐẠT
38	16000654	Võ Phú	Lộc	27/02/1996	16TCN-Ô1	6,5	6,0	6,5	ĐẠT
39	16000138	Phạm Xuân	Thao	22/09/2001	16TCN-Ô1	7,5	9,5	5,5	ĐẠT
40	16000323	Huỳnh Vũ	Tiến	03/07/1997	16TCN-Ô1	6,5	7,0	6,5	ĐẠT
41	16003035	Trương Quế	Anh	29/03/2001	16TCN-QTD	7,5	8,5	7,0	ĐẠT
42	16002461	Mộng Thùy	Dương	21/12/2001	16TCN-QTD	5,5	6,5	6,0	ĐẠT
43	16000315	Trần Tường	Duy	02/04/2001	16TCN-QTD	6,5	8,0	7,0	ĐẠT
44	16000172	Ngô Thị Mỹ	Hạnh	09/02/2001	16TCN-QTD	7,5	7,0	8,5	ĐẠT
45	16000316	Đoàn Thị Thanh	Huyền	26/09/2001	16TCN-QTD	9,5	7,5	8,0	ĐẠT
46	16000479	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	24/05/1999	16TCN-QTD	5,0	5,0	6,0	ĐẠT
47	16000071	Nguyễn Thị Phi	Nhung	23/09/2001	16TCN-QTD	7,5	6,0	6,5	ĐẠT
48	16000594	Đoàn Hồng	Phúc	30/01/2001	16TCN-QTD	6,5	5,5	7,0	ĐẠT
49	16000371	Nguyễn Thị Hồng	Phương	03/08/2001	16TCN-QTD	6,0	8,5	7,5	ĐẠT
50	16000287	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	07/02/2001	16TCN-QTD	6,5	8,0	8,0	ĐẠT
51	16000292	Nguyễn Trung	Hiếu	24/11/2001	16TCN-QTM1	7,0	8,0	7,0	ĐẠT

STT	MSHS	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM THI			TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
					TOÁN	LÝ	HÓA	
52	16000299	Nguyễn Thanh Long	12/04/2000	16TCN-QTM1	5,0	7,0	7,0	ĐẠT
53	16001496	Lê Minh Luân	20/09/2001	16TCN-QTM1	5,5	8,5	7,5	ĐẠT
54	16000667	Bùi Hữu Nghĩa	21/07/2001	16TCN-QTM1	7,0	5,5	5,0	ĐẠT
55	16000165	Nguyễn Trường Tú	15/03/2001	16TCN-QTM1	7,5	5,5	6,0	ĐẠT
56	16001893	Đỗ Huỳnh Minh Hy	24/02/2000	16TC-Ô1	5,0	6,0	8,0	ĐẠT
57	16001840	Trần Duy Quang	20/05/1998	16TC-Ô1	6,0	5,5	7,0	ĐẠT
58	16003448	Trần Võ Văn Tài	29/10/2001	16TC-Ô1	6,0	5,5	7,5	ĐẠT
59	16000047	Khổng Lê Trọng Hiếu	20/04/2001	16TC-QTM	5,5	6,0	7,0	ĐẠT
60	16000322	Lý Diệu Huy	07/09/2001	16TC-QTM	5,0	6,0	7,5	ĐẠT
61	16000009	Phạm Quang Minh	18/08/1997	16TC-QTM	5,0	7,0	7,5	ĐẠT

Tổng cộng danh sách có 61 học sinh.



TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH HỌC SINH
KHÓA 18 TRUNG CẤP VÀ CÁC KHOÁ CỬ THI LẠI
ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
Kỳ thi Tháng 7/2019

(Kèm theo Quyết định số: 921 /QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 8 năm 2019
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSHS	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM THI			TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
					TOÁN	LÝ	HÓA	
1	18000054	Phan Nguyễn Trường An	11/03/1996	18T2-CNÔ1	5,5	6,5	5,0	ĐẠT
2	18004960	Đỗ Quốc Bảo	19/07/1997	18T2-CNÔ1	7,0	9,0	9,0	ĐẠT
3	18000170	Hà Tiến Đạt	06/10/1997	18T2-CNÔ1	9,0	7,0	6,0	ĐẠT
4	18004977	Nguyễn Văn Dĩ	24/01/2000	18T2-CNÔ1	7,0	7,5	7,0	ĐẠT
5	18002888	Hồ Văn Châu	29/06/1997	18T2-CNÔ1	10,0	10,0	9,0	ĐẠT
6	18005115	Nguyễn Lưu Trường	25/03/1997	18T2-CNÔ2	5,5	9,5	7,5	ĐẠT
7	18004141	Nguyễn Thành Hải	10/05/2000	18T2-CNÔ1	8,0	8,0	6,5	ĐẠT
8	18005118	Trần Lê Thanh Hải	05/12/2000	18T2-CNÔ1	9,5	6,5	6,0	ĐẠT
9	18004085	Trịnh Phạm Quang Hải	14/02/2000	18T2-CNÔ1	6,5	6,5	6,0	ĐẠT
10	18005191	Nguyễn Minh Hiếu	28/06/1996	18T2-CNÔ1	10,0	8,0	7,0	ĐẠT
11	18004203	Trần Văn Khấn	13/02/2000	18T2-CNÔ1	10,0	6,5	9,0	ĐẠT
12	18003375	Dương Tiến Khang	23/09/2000	18T2-CNÔ1	8,0	8,5	9,0	ĐẠT
13	18002173	Phạm Duy Khánh	15/07/2000	18T2-CNÔ1	9,5	7,0	8,5	ĐẠT
14	18005214	Phạm Văn Khánh	19/08/2000	18T2-CNÔ1	6,5	5,5	9,5	ĐẠT
15	18000746	Lê Minh Khoa	07/09/2000	18T2-CNÔ1	5,0	6,5	9,5	ĐẠT
16	18004389	Nguyễn Hoàng Long	11/06/2000	18T2-CNÔ1	8,5	7,0	8,5	ĐẠT
17	18004799	Châu Văn Mẫn	09/12/2000	18T2-CNÔ1	8,5	9,5	9,5	ĐẠT
18	18001550	Nguyễn Hồng Miên	30/01/2000	18T2-CNÔ1	9,0	6,0	7,0	ĐẠT
19	18000793	Trần Đức Minh	28/12/1998	18T2-CNÔ1	9,0	9,5	9,5	ĐẠT
20	18003477	Ung Minh Quốc	29/03/2000	18T2-CNÔ1	5,2	7,5	6,5	ĐẠT
21	18005123	Lê Nhật Tân	05/10/1995	18T2-CNÔ1	10,0	10,0	9,5	ĐẠT

STT	MSHS	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM THI			TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
						TOÁN	LÝ	HÓA	
22	18004863	Nguyễn Cao	Thái	05/11/1999	18T2-CNÔ1	7,5	6,5	8,5	ĐẠT
23	18004002	Trương Quang	Thắng	18/08/2000	18T2-CNÔ1	8,0	8,0	6,5	ĐẠT
24	18005180	Nguyễn Ngọc	Thìn	17/06/2000	18T2-CNÔ1	9,0	9,0	9,0	ĐẠT
25	18005784	Lê Nhật	Trường	01/01/1984	18T2-CNÔ1	7,0	10,0	7,0	ĐẠT
26	18002016	Phạm Minh	Tuấn	29/06/2000	18T2-CNÔ1	8,0	9,0	10,0	ĐẠT
27	18004110	Nguyễn Anh	Văn	13/02/2000	18T2-CNÔ1	9,0	9,0	5,0	ĐẠT
28	18002238	Cao Quốc	Việt	23/05/1999	18T2-CNÔ1	8,0	8,5	10,0	ĐẠT
29	15000211	Nguyễn Thành	An	31/08/2000	15TCN-Đ	9,5	8,0	5,0	ĐẠT
30	15000022	Nguyễn Đức	Duy	23/12/2000	15TCN-LĐL	6,5	7,0	5,0	ĐẠT
31	15002989	Nguyễn Đình	Mạnh	22/05/2000	15TCN-LĐL	5,5	8,0	8,5	ĐẠT
32	15001011	Nguyễn Thành	Long	21/10/1999	15TCN-Ô1	10,0	7,0	8,5	ĐẠT
33	15000102	Phùng Long	Ẩn	09/11/2000	15TCN-QTM1	9,0	7,5	9,0	ĐẠT
34	15000011	Phương Bình	Quân	12/3/2000	15TCN-QTM1	8,5	7,5	8,0	ĐẠT
35	15000369	Lê Ngọc	Trần	09/12/2000	15TCN-QTM1	6,5	7,0	8,5	ĐẠT
36	15000717	Nguyễn Trần Thanh	Tú	26/04/1997	15TCT-Ô	7,5	7,0	8,5	ĐẠT
37	16000440	Nguyễn Minh	Hiếu	12/11/2001	16TCN-ĐT	5,5	5,0	7,0	ĐẠT
38	16000040	Nguyễn Ngọc	Long	13/10/1995	16TCN-ĐT	7,5	7,0	9,0	ĐẠT
39	16000069	Nguyễn Dương Thế	Sơn	23/02/2000	16TCN-ĐT	5,5	5,0	7,0	ĐẠT
40	16000225	Phan Anh	Vũ	25/10/2000	16TCN-ĐT	5,0	6,0	5,5	ĐẠT
41	16000606	Huỳnh Trần Trường	Duy	25/11/2001	16TCN-Ô1	6,0	10,0	6,5	ĐẠT
42	16000014	Võ Văn Huỳnh	Duy	21/07/2001	16TCN-Ô1	8,0	7,5	8,5	ĐẠT
43	16000170	Lê Thanh	Hòa	15/06/2000	16TCN-Ô1	8,5	9,0	5,5	ĐẠT
44	16000556	Trịnh Xuân	Hùng	21/08/1997	16TCN-Ô1	6,5	8,0	9,0	ĐẠT
45	16000486	Thân Trọng Quốc	Huy	13/12/2001	16TCN-Ô1	9,5	8,5	7,5	ĐẠT
46	16000449	Ngô Minh	Nhật	28/08/2001	16TCN-Ô1	6,0	8,5	5,0	ĐẠT
47	16000301	Trương Văn	Nhật	10/12/2001	16TCN-Ô1	5,0	5,5	6,5	ĐẠT
48	16001128	Nguyễn Văn Ngọc	Thiện	03/05/2001	16TCN-Ô1	5,0	8,5	7,5	ĐẠT

STT	MSHS	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM THI			TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
						TOÁN	LÝ	HÓA	
49	16000333	Nguyễn Thanh	Tùng	21/08/2001	16TCN-Ô1	5,5	7,5	8,0	ĐẠT
50	16002938	Lâu Quay	Kin	11/01/2000	16TCN-QTM1	5,0	5,0	6,5	ĐẠT
51	16000380	Phạm Minh	Khải	21/11/1999	16TC-Ô1	5,0	5,0	7,0	ĐẠT
52	16000063	Đinh Hồng	Sơn	22/09/2001	16TC-QTM	10,0	6,0	8,0	ĐẠT
53	16003330	Võ Hoàng	Luân	21/09/1995	16TCT-Đ	5,5	5,0	8.50	ĐẠT

Tổng cộng danh sách có 53 học sinh.